

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH QUY ĐỊNH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

(Kèm theo Công văn số: /SNNMT-CCQLĐĐ ngày /11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Stt	VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		Dự thảo Quyết định	Thuyết Minh
	Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)	Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)		
I	Chương I: Những quy định chung	Chương I: Quy định chung	Chương I: Quy định chung	
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	<u>Điều 1.</u> Phạm vi điều chỉnh	
	1. Quyết định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành thuộc thẩm quyền khoản 2 Điều 104, khoản 4 Điều 103, điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 109, khoản 7 và khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024; khoản 3 Điều 4, khoản 7 Điều 12, khoản 9 Điều 13, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 15, Điều 16, điểm b khoản 2 Điều 17, điểm c khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 5 và khoản 6 Điều 20, Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk 2. Những nội dung liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của	Quy định này Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên như sau: 1. Quy định chi tiết: khoản 2 Điều 104, khoản 2 Điều 108, điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 109 và khoản 7, khoản 10 Điều 111 của Luật Đất đai; khoản 3 Điều 4, điểm a, điểm d khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 15, Điều 16, điểm b khoản 2 Điều 17, điểm c khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23 và điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP. 2. Quy định số một biện pháp để thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.	Quy định này Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau: 1. Quy định chi tiết: khoản 2 Điều 104, khoản 2 Điều 108, điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 109 và khoản 7, khoản 10 Điều 111 của Luật Đất đai; khoản 3 Điều 4, điểm a, điểm d khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 15, Điều 16, điểm b khoản 2 Điều 17, điểm c khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23 và điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP. 2. Quy định số một biện pháp để thi hành Luật Đất đai và các	Cả hai tỉnh đều Căn cứ theo khoản 2 Điều 104, khoản 2 Điều 108, điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 109 và khoản 7, khoản 10 Điều 111 của Luật Đất đai; khoản 3 Điều 4, điểm a, điểm d khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 15, Điều 16, điểm b khoản 2 Điều 17, điểm c khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23 và điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; đồng thời bổ sung một số quy định tại các Nghị định số: 151/2025/NĐ-CP; số 226/2025/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính Phủ.

	pháp luật hiện hành.		Nghị định: số 88/2024/NĐ-CP, số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025, ; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; 3. Những nội dung liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.	
2	Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	<u>Điều 2. Đối tượng áp dụng</u>	
	1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. 2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi. 3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.	1. Cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đất đai; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Yên. 2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có đất bị thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi. 4. Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai và cơ quan quản lý đất đai cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. 2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi. 3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.	
II	Chương II: QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT	Chương II: BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN	Chương II: QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT	
3	Điều 5. Tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất bị thu hồi	Điều 3. Bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	<u>Điều 3. Bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số</u>	

			88/2024/NĐ-CP	
	Khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, nếu đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai mà không có đất cùng loại để bồi thường, có nhu cầu bồi thường bằng đất ở thì được xem xét bồi thường bằng đất ở, cụ thể như sau: 1. Đối với đất phi nông nghiệp: nếu thu hồi hết diện tích đang sử dụng hoặc diện tích còn lại nhỏ hơn diện tích tối thiểu theo quy định của UBND tỉnh thì được quy đổi bằng một thửa đất ở (nếu địa phương có quỹ đất). 2. Đối với đất nông nghiệp: nếu thu hồi hết diện tích đang sử dụng hoặc diện tích đất nông nghiệp còn lại nhỏ hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa theo quy định của UBND tỉnh và giá trị bằng tiền của diện tích bồi thường bằng hoặc lớn hơn 80% thửa đất ở được giao đất thì được quy đổi bằng một thửa đất ở (nếu địa phương có quỹ đất).	1. Tỷ lệ quy đổi áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98 và khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai như sau: Tỷ lệ quy đổi bằng tổng số tiền bồi thường của loại đất thu hồi chia cho giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi (hoặc giá nhà ở khi bồi thường bằng nhà ở). Ví dụ 1: A là thửa đất rừng sản xuất, diện tích 10.000m², giá đất bồi thường là 20.000 đồng/m². Tổng số tiền bồi thường của loại đất thu hồi là 200.000.000 đồng. Giá đất tính tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất ở là 4.000.000 đồng/m². Hạn mức tối thiểu tách thửa tại xã là 60m². Tỷ lệ quy đổi: $(200.000.000/4.000.000) = 50m^2 < 60m^2$. Như vậy trường hợp nêu trên không được bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất. Ví dụ 2: A là thửa đất rừng sản xuất, diện tích 20.000m², giá đất bồi thường là 20.000 đồng/m². Tổng số tiền bồi thường của loại đất thu hồi là 400.000.000 đồng. Giá đất tính tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất ở là 4.000.000 đồng/m². Hạn mức tối thiểu tách thửa tại xã là 60m². Tỷ lệ quy đổi: $(400.000.000/4.000.000)$	1. Tỷ lệ quy đổi áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98 và khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai như sau: Tỷ lệ quy đổi bằng tổng số tiền bồi thường của loại đất thu hồi chia cho giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi (hoặc giá nhà ở khi bồi thường bằng nhà ở). Ví dụ 1: A là thửa đất rừng sản xuất, diện tích 10.000m², giá đất bồi thường là 20.000 đồng/m². Tổng số tiền bồi thường của loại đất thu hồi là 200.000.000 đồng. Giá đất tính tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất ở là 4.000.000 đồng/m². Hạn mức tối thiểu tách thửa tại xã là 60m². Tỷ lệ quy đổi: $(200.000.000/4.000.000) = 50m^2 < 60m^2$. Như vậy trường hợp nêu trên không được bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất. Ví dụ 2: A là thửa đất rừng sản xuất, diện tích 20.000m², giá đất bồi thường là 20.000 đồng/m².	Các quy định tại Điều 3 của Dự thảo Quy định cụ thể về cách tính quy đổi áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98 và khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai tại Quyết định số 53/2024/QĐ- UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)

	= 100m² > 60m². Như vậy trường hợp nêu trên được xem xét bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này. 2. Điều kiện: a) Diện tích đất thu hồi tối thiểu bằng hoặc lớn hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hiện hành. b) Diện tích đất sau khi quy đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này (để bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi) không được nhỏ hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hiện hành đối với loại đất bồi thường; diện tích nhà ở sau khi quy đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này (để bồi thường bằng nhà ở) không được nhỏ hơn suất nhà ở tái định cư tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Quy định này. c) Người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân, có đất thu hồi thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 118, 119, 120 của Luật Đất đai. d) Đối với diện tích bồi thường bằng đất ở tối đa không quá 02 lần hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hiện hành. Trường hợp khu đất đã có quy hoạch chi tiết 1/500 thì bồi thường không quá 02 lô đất. đ) Có đăng ký thường trú tại địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi.	Tổng số tiền bồi thường của loại đất thu hồi là 400.000.000 đồng. Giá đất tính tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất ở là 4.000.000 đồng/m². Hạn mức tối thiểu tách thửa tại xã là 60m². Tỷ lệ quy đổi: $(400.000.000/4.000.000) = 100m^2 > 60m^2$. Như vậy trường hợp nêu trên được xem xét bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này. 2. Điều kiện: a) Diện tích đất thu hồi tối thiểu bằng hoặc lớn hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hiện hành. b) Diện tích đất sau khi quy đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này (để bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi) không được nhỏ hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hiện hành đối với loại đất bồi thường; diện tích nhà ở sau khi quy đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này (để bồi thường bằng nhà ở) không được nhỏ hơn suất nhà ở	
--	---	--	--

		e) Không còn đất ở, nhà ở tại địa bàn xã, phường nơi có đất thu hồi đối với trường hợp bồi thường bằng đất ở. f) Địa phương có quỹ đất để thực hiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng đất khác với mục đích đất thu hồi.	tái định cư tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Quy định này. c) Người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân, có đất thu hồi thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 118, 119, 120 của Luật Đất đai. d) Đối với diện tích bồi thường bằng đất ở tối đa không quá 02 lần hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hiện hành. Trường hợp khu đất đã có quy hoạch chi tiết 1/500 thì bồi thường không quá 02 lô đất. đ) Có đăng ký thường trú tại địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi. e) Không còn đất ở, nhà ở tại địa bàn xã, phường nơi có đất thu hồi đối với trường hợp bồi thường bằng đất ở. f) Địa phương có quỹ đất để thực hiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng đất khác với mục đích đất thu hồi.	
4	Điều 9. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất	Điều 4. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	Điều 4. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	
	1. Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị tháo dỡ hoặc phá dỡ một phần mà phần	1. Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình	1. Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có	Các quy định tại Điều 4 của Dự thảo kế thừa các nội

	còn lại cải tạo, sửa chữa để tiếp tục sử dụng thì phần tháo dỡ hoặc phá dỡ được bồi thường theo giá trị chất lượng còn lại và được cộng với 20% giá trị xây dựng mới của phần còn lại nhưng giá trị bồi thường không quá 100% giá trị xây dựng mới. 2. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về chuyên ngành thì được bồi thường theo giá trị chất lượng còn lại thực tế của công trình phù hợp trên địa bàn từng địa phương.	xây dựng bị thiệt hại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được xác định bằng 10% giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại. 2. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì xác định giá bồi thường theo từng bộ phận của nhà, công trình theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hiện hành.	của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được xác định bằng 10% giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại. 2. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì xác định giá bồi thường theo từng bộ phận của nhà, công trình theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hiện hành.	dung đã quy định tại tại Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ) được hướng dẫn theo Điều 14 Nghị định 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
5	Điều 11. Bồi thường di dời mồ mả	Điều 5. Bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	Điều 5. Bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	
	1. Bồi thường về chi phí xây dựng Trường hợp mộ di dời được xây theo mẫu có giá được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì xác định theo đơn giá đã được ban hành. Trường hợp mộ di dời xây không theo mẫu đã có giá thì xác định bằng giá trị xây dựng mới. 2. Bồi thường chi phí đào, bốc, di dời, chi phí tâm linh là 12.000.000 đồng/mộ. 3. Trường hợp hộ gia đình tự lo đất di dời mồ mả thì ngoài phần bồi thường theo khoản 1 và khoản 2 Điều này thì còn được hỗ trợ thêm chi phí về đất 2.000.000 đồng/mộ. 4. Trường hợp hộ gia đình sử dụng hình	1. Việc bồi thường, hỗ trợ chi phí đào, bốc, di chuyển, xây dựng mới: Giao UBND cấp huyện quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với các cơ quan liên quan thuộc UBND cấp huyện xác định. 2. Bồi thường, hỗ trợ các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp là 750.000đ/mộ.	1. Việc bồi thường, hỗ trợ chi phí đào, bốc, di chuyển, xây dựng mới: Giao UBND cấp xã quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với các cơ quan liên quan thuộc UBND cấp xã xác định. 2. Bồi thường chi phí đào, bốc, di dời, chi phí tâm linh là 12.000.000 đồng/mộ. 3. Trường hợp hộ gia đình tự lo đất di dời mồ mả thì ngoài	Các quy định tại Điều 5 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại tại Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ).

	thức hỏa táng, lưu trữ tro cốt tại các cơ sở lưu trữ tro cốt thì ngoài phần bồi thường theo khoản 1 và khoản 2 Điều này thì còn được hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng/mộ.		phần bồi thường theo khoản 1 và khoản 2 Điều này thì còn được hỗ trợ thêm chi phí về đất 2.000.000 đồng/mộ. 4. Trường hợp hộ gia đình sử dụng hình thức hỏa táng, lưu trữ tro cốt tại các cơ sở lưu trữ tro cốt thì ngoài phần bồi thường theo khoản 1 và khoản 2 Điều này thì còn được hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng/mộ.	
6	Điều 10. Bồi thường chi phí cải tạo, sửa chữa cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	Điều 6. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà ở và hỗ trợ thuê nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	Điều 6. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà ở và hỗ trợ thuê nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	
	Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp bằng giá trị cải tạo, sửa chữa, nâng cấp mới cho phần nhà đã được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo thiết kế dự toán phần cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà ở được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.	Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp như sau: 1. Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép cải tạo, sửa chữa, nâng cấp thì mức bồi thường được xác định theo khối lượng cải tạo, sửa chữa, nâng cấp thực tế còn lại nhân (x) với đơn giá bộ phận nhà công trình theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thu hồi đất. Giao UBND cấp huyện quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổ	Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp như sau: 1. Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép cải tạo, sửa chữa, nâng cấp thì mức bồi thường được xác định theo khối lượng cải tạo, sửa chữa, nâng cấp thực tế còn lại nhân	Các quy định tại Điều 6 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại tại Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ) được hướng dẫn theo Điều 16 Nghị định 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

		chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với các cơ quan liên quan thuộc UBND cấp huyện xác định. 2. Trường hợp tự ý cải tạo, sửa chữa, nâng cấp mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép thì không được bồi thường.	(x) với đơn giá bộ phận nhà công trình theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thu hồi đất. Giao UBND cấp xã quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với các cơ quan liên quan thuộc UBND cấp xã xác định. 2. Trường hợp tự ý cải tạo, sửa chữa, nâng cấp mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép thì không được bồi thường.	
7	Điều 3. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại cho trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh	Điều 7. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	Điều 7. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	
	1. Đối với chi phí san lấp mặt bằng, chi phí gia cố khả năng chịu lực chống rung, sụt lún đất đối với đất làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh Căn cứ đơn giá, định mức kinh tế kỹ thuật do Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, Ngành ban hành, đơn vị, tổ chức lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tổ chức thực hiện xác định chi phí và trình phê duyệt cùng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. 2. Đối với chi phí cải tạo đất, làm tăng độ màu mỡ đất sản xuất nông nghiệp: a) Đất trồng lúa: 2000 đồng/m² b) Đất trồng cây hằng năm khác: 1000 đồng/m² c) Đất trồng cây lâu năm: 2000 đồng/m².	Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh đã đầu tư vào đất nếu được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi đất nhưng đến thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất chưa thu hồi hết thì chi phí đầu tư vào đất còn lại được xác định bằng 10% giá đất theo vị trí đất, loại đất trong bảng giá đất theo quy định hiện hành của UBND tỉnh đối với phần diện tích đất thu hồi thực tế có đầu tư vào đất.	Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh đã đầu tư vào đất nếu được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi đất xác nhận người sử dụng đất đã đầu tư vào đất phù hợp với mục đích sử dụng đất nhưng đến thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất chưa thu hồi hết thì chi phí đầu tư vào đất còn lại được xác định bằng 10% giá đất theo vị trí đất, loại đất trong bảng giá đất theo quy định hiện hành của UBND tỉnh đối với phần diện tích đất thu hồi thực tế có	Quy định tại Điều 7 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại Quyết định số 53/2024/QĐ- UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ) được hướng dẫn theo khoản 3 điều 107 Luật Đất đai 2024 và Điều 17 Nghị định 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

			đầu tư vào đất.	
8	Điều 4. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ an toàn	Điều 8. Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	Điều 8. Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	
	Diện tích có đủ điều kiện được bồi thường thuộc hành lang bảo vệ an toàn không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng bị hạn chế khả năng sử dụng được bồi thường thiệt hại cụ thể như sau: 1. Đối với đất ở và các loại đất khác trong cùng thửa đất ở được bồi thường thiệt hại bằng 80% giá đất cùng loại. 2. Đối với diện tích đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất của hộ gia đình, cá nhân trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không được bồi thường thiệt hại bằng 30% giá đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất theo giá đất bồi thường.	Đối với đất ở, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ thì được bồi thường bằng 50% giá bồi thường về đất ở, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ. Giá đất bồi thường là giá đất được xác định bằng giá đất trong bảng giá đất theo quy định hiện hành của UBND tỉnh. Giao UBND cấp huyện quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với các cơ quan liên quan thuộc UBND cấp huyện xác định.	Đối với đất ở, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ thì được bồi thường bằng 50% giá bồi thường về đất ở, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ. Giá đất bồi thường là giá đất được xác định bằng giá đất trong bảng giá đất theo quy định hiện hành của UBND tỉnh. Giao UBND cấp xã quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với các cơ quan liên quan thuộc UBND cấp xã xác định.	Quy định tại Điều 8 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại Quyết định số 53/2024/QĐ- UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ) được hướng dẫn theo Điều 106 Luật Đất đai năm 2024, khoản 1 Điều 18 Nghị định 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
9	Điều 7. Bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt khi di chuyển tài sản và Điều 8. Bồi thường thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt đối với trường hợp di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất	Điều 9. Bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Luật Đất đai	Điều 9. Bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Luật Đất đai	
	Điều 7. Bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt khi di chuyển tài sản 1. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất mà	Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển,	Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước bồi thường chi phí	Các quy định tại Điều 9 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại

	phải di chuyển chỗ ở (bao gồm thu hồi đất được bồi thường đất ở và thu hồi đất không được bồi thường về đất ở; di chuyển chỗ ở để xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở) thì được bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt khi di chuyển tài sản. 2. Mức bồi thường: a) Nếu di chuyển trong phạm vi huyện, thành phố, thị xã: 8.000.000đồng; b) Nếu di chuyển ngoài phạm vi huyện, thành phố, thị xã: 10.000.000 đồng; c) Nếu di chuyển ra ngoài phạm vi tỉnh: 15.000.000 đồng. Điều 8. Bồi thường thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt đối với trường hợp di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất thì ngoài việc được bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt còn được bồi thường thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt. Mức bồi thường bằng giá trị vật tư mới tương đương của các bộ phận bị hư hại trong quá trình tháo dỡ hoặc không tiếp tục sử dụng được.	lắp đặt; trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Luật Đất đai được quy định cụ thể như sau: 1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở, có nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất và cự ly < 50km như sau: a) Diện tích xây dựng từ 15 m² trở xuống, bồi thường: 5.500.000 đồng/hộ. b) Diện tích xây dựng lớn hơn 15 m² đến 30 m², bồi thường: 7.500.000 đồng/hộ. c) Diện tích xây dựng lớn hơn 30 m² đến 50 m², bồi thường: 10.000.000 đồng/hộ. d) Diện tích xây dựng lớn hơn 50 m² đến 100 m², bồi thường: 12.000.000 đồng/hộ. đ) Diện tích xây dựng lớn hơn 100 m², bồi thường: 14.000.000 đồng/hộ. 2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải giải tỏa nhà, công trình xây dựng nhưng sẽ được xây dựng lại tại phần diện tích đất còn lại của thửa đất thu hồi thì được bồi thường bằng 50% giá trị bồi thường theo từng diện tích xây dựng bị tháo dỡ tương ứng tại khoản 1 Điều này. 3. Khi Nhà nước thu hồi đất mà hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở, có nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất và cự ly $\geq$ 50km thì được bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản: 15.000.000 đồng/hộ. 4. Khi Nhà nước thu hồi đất của tổ chức mà phải di chuyển tài sản thì	để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Luật Đất đai được quy định cụ thể như sau: 1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở, có nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất và cự ly < 50km như sau: a) Diện tích xây dựng từ 15 m² trở xuống, bồi thường: 5.500.000 đồng/hộ. b) Diện tích xây dựng lớn hơn 15 m² đến 30 m², bồi thường: 7.500.000 đồng/hộ. c) Diện tích xây dựng lớn hơn 30 m² đến 50 m², bồi thường: 10.000.000 đồng/hộ. d) Diện tích xây dựng lớn hơn 50 m² đến 100 m², bồi thường: 12.000.000 đồng/hộ. đ) Diện tích xây dựng lớn hơn 100 m², bồi thường: 14.000.000 đồng/hộ. 2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải giải tỏa nhà, công trình xây dựng nhưng sẽ được xây dựng lại tại phần diện tích đất còn lại của thửa đất thu hồi thì được bồi thường bằng 50% giá trị bồi thường theo từng diện tích xây dựng bị tháo dỡ tương	Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ) được hướng dẫn theo khoản 2 Điều 104 Luật Đất đai năm 2024 quy định chặt chẽ, cụ thể chi tiết.
--	--	--	---	--

	được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Giao Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với tổ chức phải di chuyển tài sản và các đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập dự toán theo khối lượng tháo dỡ, lắp đặt, cự ly vận chuyển, đơn giá vận chuyển, đơn giá nhân công để xác định mức bồi thường báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, kết luận. 5. Hộ gia đình, cá nhân, tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc đang sử dụng đất hợp pháp khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất thì được bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển lắp đặt; trường hợp tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan thì được bồi thường thiệt hại. Giao Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với chủ cơ sở sản xuất - kinh doanh và các đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thuê đơn vị có tư cách pháp nhân lập dự toán theo khối lượng tháo dỡ, lắp đặt, cự ly vận chuyển, đơn giá vận chuyển, đơn giá nhân công để xác định mức bồi thường và giá trị thiệt hại (nếu có) báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, kết luận.	ứng tại khoản 1 Điều này. 3. Khi Nhà nước thu hồi đất mà hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở, có nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất và cự ly $\geq 50\text{km}$ thì được bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản: 15.000.000 đồng/hộ. 4. Khi Nhà nước thu hồi đất của tổ chức mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Giao Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với tổ chức phải di chuyển tài sản và các đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán theo khối lượng tháo dỡ, lắp đặt, cự ly vận chuyển, đơn giá vận chuyển, đơn giá nhân công để xác định mức bồi thường báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, kết luận. 5. Hộ gia đình, cá nhân, tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc đang sử dụng đất hợp pháp khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất thì được bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển lắp đặt; trường hợp tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan thì	
--	--	---	--

			được bồi thường thiệt hại. Giao Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với chủ cơ sở sản xuất - kinh doanh và các đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc thuê đơn vị có tư cách pháp nhân lập dự toán theo khối lượng tháo dỡ, lắp đặt, cự ly vận chuyển, đơn giá vận chuyển, đơn giá nhân công để xác định mức bồi thường và giá trị thiệt hại (nếu có) báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, kết luận.	
10	Điều 6. Bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác không thể di chuyển	Không quy định	<u>Điều 10. Bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác không thể di chuyển</u>	
	Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển được thì được bồi thường thiệt hại theo mức đơn giá của con giống tại thời điểm thu hồi đất cộng với chi phí chăn nuôi, chăm sóc kể từ thời điểm bắt đầu chăn nuôi đến thời điểm thu hồi đất và được tận thu, tận dụng tài sản.		Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển được thì được bồi thường thiệt hại theo mức đơn giá của con giống tại thời điểm thu hồi đất cộng với chi phí chăn nuôi, chăm sóc kể từ thời điểm bắt đầu chăn nuôi đến thời điểm thu hồi đất và được tận thu, tận dụng tài sản.	Quy định tại <u>Điều 10</u> của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại Quyết định số 36/2024/QĐ- UBND ngày 08/10/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) đảm bảo tính thống nhất với các văn bản pháp luật chuyên ngành khác.
III	Chương III: QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT	Chương III: HỖ TRỢ	Chương III: QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT	
11	Không quy định	Điều 10. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất theo khoản 2 Điều 19 của Nghị định số	<u>Điều 11. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất theo khoản 2 Điều 19 của</u>	

		88/2024/NĐ-CP	Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	
		Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ bằng 70% mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì không được hỗ trợ.	Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ bằng 70% mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì không được hỗ trợ.	Quy định tại Điều 11 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại Quyết định số 53/2024/QĐ- UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ) được hướng dẫn theo khoản 2 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ- CP của Chính phủ.
12	Điều 12. Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Điều 13. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 109 của Luật Đất đai và khoản 3 Điều 22 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	Điều 12. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 109 của Luật Đất đai và khoản 3 Điều 22 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	
	1. Khi Nhà nước thu hồi đất, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai và khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ tiền bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy	1. Hỗ trợ bằng tiền theo giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá các loại đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hiện hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hiện hành. Hỗ trợ bằng 04 lần đối với đất từ 02 vụ lúa trở lên, bằng 05 lần đối với đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở và bằng 02 lần đối với các loại đất nông	1. Hỗ trợ bằng tiền theo giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá các loại đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hiện hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hiện hành. Hỗ trợ bằng 04 lần đối với đất	Quy định tại Điều 12 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại Quyết định số 53/2024/QĐ- UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ) được hướng dẫn theo khoản 4 và khoản 5 Điều 109 của Luật Đất đai năm 2024 và khoản 2 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

	định. 2. Khi Nhà nước thu hồi đất, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai được hỗ trợ bằng hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.	nghiep còn lại. 2. Mức hỗ trợ cho người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg như sau: a) Mức hỗ trợ chi phí đào tạo: Người có đất thu hồi, mức hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng không quá 03 triệu đồng/người/khóa học. b) Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại: Mức hỗ trợ tiền ăn: 30.000 đồng/người/ngày thực học. Mức hỗ trợ tiền đi lại: 200.000 đồng/người/khóa học (nếu địa điểm đào tạo xa nơi cư trú từ 15 km trở lên). Riêng đối với người có đất thu hồi là người khuyết tật, người học cư trú ở xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. c) Căn cứ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại địa phương theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 109 của Luật Đất đai. d) Trường hợp người lao động tự học nghề truyền thống mà không có nhu cầu học nghề tại cơ sở đào tạo nghề của Nhà nước nếu thu hồi đất từ 30% đất nông nghiệp đang sử dụng trở lên được hỗ trợ 5.000.000 đồng/lao động.	từ 02 vụ lúa trở lên, bằng 05 lần đối với đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở và bằng 02 lần đối với các loại đất nông nghiệp còn lại. 2. Mức hỗ trợ cho người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg như sau: a) Mức hỗ trợ chi phí đào tạo: Người có đất thu hồi, mức hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng không quá 03 triệu đồng/người/khóa học. b) Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại: Mức hỗ trợ tiền ăn: 30.000 đồng/người/ngày thực học. Mức hỗ trợ tiền đi lại: 200.000 đồng/người/khóa học (nếu địa điểm đào tạo xa nơi cư trú từ 15 km trở lên). Riêng đối với người có đất thu hồi là người khuyết tật, người học cư trú ở xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. c) Căn cứ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại địa phương
--	--	---	--

			theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 109 của Luật Đất đai. d) Trường hợp người lao động tự học nghề truyền thống mà không có nhu cầu học nghề tại cơ sở đào tạo nghề của Nhà nước nếu thu hồi đất từ 30% đất nông nghiệp đang sử dụng trở lên được hỗ trợ 5.000.000 đồng/lao động.	
13	Điều 13. Hỗ trợ di dời vật nuôi	Điều 12. Hỗ trợ di dời đối với vật nuôi; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn theo Điều 21 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	Điều 13. Hỗ trợ di dời đối với vật nuôi; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn theo Điều 21 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	
	Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di dời vật nuôi thì được hỗ trợ toàn bộ tiền công và chi phí thuê phương tiện di chuyển (nếu có) theo chi phí thực tế.	1. Hỗ trợ di dời đối với vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP: a) Đối với gia súc Di chuyển trong phạm vi từ 2 km đến 5 km: 50.000đ/con. Di chuyển trong phạm vi trên 5 km đến 10 km: 80.000đ/con. Di chuyển trong phạm vi trên 10 km đến 20 km: 150.000đ/con. Di chuyển trong phạm vi trên 20 km đến 50 km: 300.000đ/con. Di chuyển trong phạm vi trên 50 km: 500.000đ/con. b) Đối với gia cầm mà di chuyển đàn quy mô từ 200 con trở lên: Di chuyển trong phạm vi từ 2 km đến 5 km: 1.750đ/con.	1. Hỗ trợ di dời đối với vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP: a) Đối với gia súc Di chuyển trong phạm vi từ 2 km đến 5 km: 50.000đ/con. Di chuyển trong phạm vi trên 5 km đến 10 km: 80.000đ/con. Di chuyển trong phạm vi trên 10 km đến 20 km: 150.000đ/con. Di chuyển trong phạm vi trên 20 km đến 50 km: 300.000đ/con. Di chuyển trong phạm vi trên 50 km: 500.000đ/con. b) Đối với gia cầm mà di	Các quy định tại Điều 13 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại tại Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ) được hướng dẫn theo Điều 21 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP quy định chặt chẽ, cụ thể chi tiết.

		Di chuyển trong phạm vi trên 5 km đến 10 km: 2.250đ/con. Di chuyển trong phạm vi trên 10 km đến 20 km: 2.750đ/con. Di chuyển trong phạm vi trên 20 km đến 50 km: 3.250đ/con. Di chuyển trong phạm vi trên 50 km: 3.750đ/con. 2. Đối với tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn thì chủ sở hữu tài sản không được bồi thường mà được hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời. Mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 9 của Quy định này.	chuyển đàn quy mô từ 200 con trở lên: Di chuyển trong phạm vi từ 2 km đến 5 km: 1.750đ/con. Di chuyển trong phạm vi trên 5 km đến 10 km: 2.250đ/con. Di chuyển trong phạm vi trên 10 km đến 20 km: 2.750đ/con. Di chuyển trong phạm vi trên 20 km đến 50 km: 3.250đ/con. Di chuyển trong phạm vi trên 50 km: 3.750đ/con. 2. Đối với tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn thì chủ sở hữu tài sản không được bồi thường mà được hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời. Mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 9 của Quy định này.	
14	Điều 14. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Điều 11. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất theo khoản 6 Điều 20 của Nghị định 88/2024/NĐ-CP	Điều 14. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	
	1. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp tại điểm a khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền theo mức 2.000.000 đồng cho một hộ gia đình. 2. Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-	1. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bao gồm: hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp.	1. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp tại điểm a khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền theo mức 2.000.000 đồng cho một hộ gia đình. 2. Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn	Quy định tại Điều 14 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại Quyết định số 36/2024/QĐ- UBND ngày 08/10/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) đảm bảo tính thống nhất với các văn bản pháp luật chuyên ngành khác và rõ ràng chặt chẽ.

	CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền theo mức bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của ba năm liền kề trước đó được cơ quan thuế xác nhận. 3. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc. Mức trợ cấp ngừng việc được tính bằng tiền lương tối thiểu nhân với hệ số cấp bậc công việc của ngành nghề tương ứng theo quy định hiện hành của Nhà nước trong thời gian 06 (sáu) tháng, được chi trả 01 (một) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.	2. Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền với mức bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân 03 năm liền kề trước đó. 3. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất mà có thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động; thời gian tính hỗ trợ theo thời gian ngừng việc là 06 tháng. Tiền hỗ trợ quy định tại các khoản 1, 2, 3, Điều này được chi trả một lần sau khi phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	đầu tư nước ngoài tại điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền theo mức bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của ba năm liền kề trước đó được cơ quan thuế xác nhận. 3. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc. Mức trợ cấp ngừng việc được tính bằng tiền lương tối thiểu nhân với hệ số cấp bậc công việc của ngành nghề tương ứng theo quy định hiện hành của Nhà nước trong thời gian 06 (sáu) tháng, được chi trả 01 (một) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.	
15	Điều 15. Hỗ trợ đối với các trường hợp, dự án cụ thể	Không quy định	Điều 15. Hỗ trợ đối với các trường hợp, dự án cụ thể	
	Đối với các trường hợp xem xét hỗ trợ theo từng dự án, trường hợp cụ thể quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật đất đai; khoản 7 Điều 12, khoản 9 Điều 13, khoản 2 Điều 19, khoản 5 Điều 20 và khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP. Căn cứ vào tình hình thực tế đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với chủ đầu tư đề		Đối với các trường hợp xem xét hỗ trợ theo từng dự án, trường hợp cụ thể quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật đất đai; khoản 7 Điều 12, khoản 9 Điều 13, khoản 2 Điều 19, khoản 5 Điều 20 và khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP. Căn cứ vào	Quy định tại Điều 15 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại tại Quyết định số 36/2024/QĐ- UBND ngày 08/10/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)

	xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh mức hỗ trợ đối với từng dự án, trường hợp cụ thể.		tình hình thực tế đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với chủ đầu tư đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh mức hỗ trợ đối với từng dự án, trường hợp cụ thể.	
16	Điều 16. Cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn	Điều 16. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở và cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn tại khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai	Điều 16. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở và cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn tại khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai	
	Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành bàn giao trước thời hạn được thưởng như sau: 1. Đối với trường hợp thu hồi đất có nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh bị tháo dỡ toàn bộ được thưởng: 5.000.000 đồng; trường hợp bị tháo dỡ một phần được thưởng: 3.000.000 đồng. 2. Các trường hợp còn lại được thưởng: 2.000.000 đồng.	1. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian 06 (sáu) tháng. Mức hỗ trợ tiền thuê nhà mỗi tháng như sau: a) Mức hỗ trợ là 3.600.000 đồng/hộ/tháng đối với các phường thuộc thành phố Tuy Hòa; 2.800.000 đồng/hộ/tháng đối với các xã thuộc thành phố Tuy Hòa, các phường thuộc thị xã Sông Cầu, thị xã Đông Hòa và thị trấn của các huyện; 2.000.000 đồng/hộ/tháng đối với các xã còn lại; b) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã bàn giao đất cho Nhà nước nhưng Nhà nước chậm giao đất ở mới thì hộ gia đình, cá nhân tiếp tục được hỗ trợ tiền thuê nhà theo quy định tại điểm a khoản này đối với thời gian Nhà nước chậm giao đất ở mới.	1. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian 06 (sáu) tháng. Mức hỗ trợ tiền thuê nhà mỗi tháng như sau: a) Mức hỗ trợ là 3.600.000 đồng/hộ/tháng đối với các phường; 2.800.000 đồng/hộ/tháng đối với các xã b) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã bàn giao đất cho Nhà nước nhưng Nhà nước chậm giao đất ở mới thì hộ gia đình, cá nhân tiếp tục được hỗ trợ tiền thuê nhà theo quy định tại điểm a khoản này đối với thời gian Nhà nước chậm giao đất ở mới.	Quy định tại Điều 16 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại Quyết định số 53/2024/QĐ- UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ) nhằm khuyến khích, vận động các hộ dân sớm bàn giao mặt bằng để đơn vị thi công thi công công trình.

	2. Cơ chế thưởng: a) Đối với hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không có tài sản gắn liền với đất hoặc đất nông nghiệp mà phối hợp tốt trong quá trình lập, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao mặt bằng trước thời hạn ghi trong quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được thưởng 3.000 đồng/m² nhưng không quá 5.000.000 đồng/trường hợp; b) Đối với hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp có tài sản gắn liền với đất mà phối hợp tốt trong quá trình lập, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao mặt bằng thì được thưởng như sau: Bàn giao mặt bằng trước thời điểm dự thảo niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được thưởng 15.000.000 đồng/trường hợp; Bàn giao mặt bằng từ thời điểm dự thảo niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến trước ngày quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được thưởng 10.000.000 đồng/trường hợp; Bàn giao mặt bằng trước thời hạn ghi trong quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được thưởng 8.000.000 đồng/trường hợp; Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã và chủ đầu tư lập biên bản xác nhận thời điểm hộ gia đình, cá nhân bàn giao mặt bằng	2. Cơ chế thưởng: a) Đối với hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không có tài sản gắn liền với đất hoặc đất nông nghiệp mà phối hợp tốt trong quá trình lập, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao mặt bằng trước thời hạn ghi trong quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được thưởng 3.000 đồng/m² nhưng không quá 5.000.000 đồng/trường hợp; b) Đối với hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp có tài sản gắn liền với đất mà phối hợp tốt trong quá trình lập, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao mặt bằng thì được thưởng như sau: Bàn giao mặt bằng trước thời điểm dự thảo niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được thưởng 15.000.000 đồng/trường hợp; Bàn giao mặt bằng từ thời điểm dự thảo niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến trước ngày quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được thưởng 10.000.000 đồng/trường hợp; Bàn giao mặt bằng trước thời hạn ghi trong quyết định phê	
--	---	--	--

		và đã phối hợp tốt trong quá trình lập, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khen thưởng. Kinh phí khen thưởng được tính vào kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.	duyet phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được thưởng 8.000.000 đồng/trường hợp; Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã và chủ đầu tư lập biên bản xác nhận thời điểm hộ gia đình, cá nhân bàn giao mặt bằng và đã phối hợp tốt trong quá trình lập, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khen thưởng. Kinh phí khen thưởng được tính vào kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.	
IV	Chương IV: BỐ TRÍ, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT	Chương IV: TÁI ĐỊNH CƯ	Chương IV: BỐ TRÍ, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT	
17	Điều 17. Suất tái định cư tối thiểu	Không quy định	<u>Điều 17.</u> Suất tái định cư tối thiểu	
	Suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk bằng đất ở, cụ thể như sau: 1. Giá trị suất tái định cư tối thiểu được xác định theo diện tích suất tái định cư tối thiểu nhân với giá đất ở thấp nhất tại nơi bố trí tái định cư. 2. Diện tích tái định cư tối thiểu ở các địa bàn được quy định cụ thể bằng 1,5 lần hạn mức tối thiểu tách thửa đối với đất ở theo		Suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk bằng đất ở, cụ thể như sau: 1. Giá trị suất tái định cư tối thiểu được xác định theo diện tích suất tái định cư tối thiểu nhân với giá đất ở thấp nhất tại nơi bố trí tái định cư. 2. Diện tích tái định cư tối thiểu	Các quy định tại <u>Điều 17</u> của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại tại Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)

	quy định của UBND tỉnh Đắk Lắk tại các địa bàn bố trí tái định cư.		ở các địa bàn được quy định cụ thể bằng 1,5 lần hạn mức tối thiểu tách thửa đối với đất ở theo quy định của UBND tỉnh Đắk Lắk tại các địa bàn bố trí tái định cư.	
18	Điều 18. Bố trí tái định cư đối với trường hợp sử dụng nhà thuộc sở hữu nhà nước	Không quy định	<u>Điều 18.</u> Bố trí tái định cư đối với trường hợp sử dụng nhà thuộc sở hữu nhà nước	
	Người đang sử dụng nhà thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ tiền thuê nhà với mức hỗ trợ theo Điều 20 Quy định này, thời gian hỗ trợ 06 (sáu) tháng; trường hợp người đang sử dụng nhà ở bị thu hồi có nhu cầu và địa phương có quỹ đất ở tái định cư thì được giao 01 (một) thửa đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất; trường hợp tự lo chỗ ở mới thì được hỗ trợ bằng tiền theo quy định tại Điều 19 Quy định này.		Người đang sử dụng nhà thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ tiền thuê nhà với mức hỗ trợ theo Điều 20 Quy định này, thời gian hỗ trợ 06 (sáu) tháng; trường hợp người đang sử dụng nhà ở bị thu hồi có nhu cầu và địa phương có quỹ đất ở tái định cư thì được giao 01 (một) thửa đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất; trường hợp tự lo chỗ ở mới thì được hỗ trợ bằng tiền theo quy định tại Điều 19 Quy định này.	Các quy định tại <u>Điều 18</u> của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại tại Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)
19	Điều 19. Hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất	Điều 15. Hỗ trợ thuê nhà ở, giao đất ở, bán nhà ở, hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	<u>Điều 19.</u> Hỗ trợ thuê nhà ở, giao đất ở, bán nhà ở, hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP	
	Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở thì ngoài	1. Trường hợp không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ thuê nhà ở tại nơi tái định cư trong thời gian 06 (sáu) tháng. Mức hỗ trợ là 3.600.000	1. Trường hợp không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ thuê nhà ở tại nơi tái định cư trong thời gian 06 (sáu)	Quy định tại <u>Điều 19</u> của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại Quyết định số 53/2024/QĐ- UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh

	việc được bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở; người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đủ điều kiện để bố trí tái định cư mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ cụ thể trên các địa bàn như sau: 1. Các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột: 150 triệu đồng. 2. Các phường thuộc thị xã Buôn Hồ, thị trấn các huyện: 120 triệu đồng. 3. Các xã thuộc thành phố Buôn Ma Thuột: 100 triệu đồng. 4. Các xã còn lại: 80 triệu đồng.	đồng/hộ/tháng đối với các phường thuộc thành phố Tuy Hòa; 2.800.000 đồng/hộ/tháng đối với các xã thuộc thành phố Tuy Hòa, các phường thuộc thị xã Sông Cầu, thị xã Đông Hòa và thị trấn của các huyện; 2.000.000 đồng/hộ/tháng đối với các xã còn lại. 2. Trường hợp địa phương có quỹ đất ở, quỹ nhà ở tái định cư, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội thì được xem xét giao 01 (một) lô đất ở có thu tiền sử dụng đất, giá đất được xác định bằng giá đất trong bảng giá đất theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Giá bán nhà ở do cơ quan có thẩm quyền quyết định theo pháp luật về nhà ở. 3. Trường hợp người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước không có nhu cầu thuê nhà ở tại nơi tái định cư thì được hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở mới, trong thời gian 06 (sáu) tháng. Mức hỗ trợ bằng 02 (hai) lần mức hỗ trợ tại khoản 1 Điều này.	tháng. Mức hỗ trợ là 3.600.000 đồng/hộ/tháng đối với các phường; Mức hỗ trợ là 2.800.000 đồng/hộ/tháng đối với các xã. 2. Trường hợp địa phương có quỹ đất ở, quỹ nhà ở tái định cư, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội thì được xem xét giao 01 (một) lô đất ở có thu tiền sử dụng đất, giá đất được xác định bằng giá đất trong bảng giá đất theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Giá bán nhà ở do cơ quan có thẩm quyền quyết định theo pháp luật về nhà ở. 3. Trường hợp người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước không có nhu cầu thuê nhà ở tại nơi tái định cư thì được hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở mới, trong thời gian 06 (sáu) tháng. Mức hỗ trợ bằng 02 (hai) lần mức hỗ trợ tại khoản 1 Điều này.	Phú Yên (cũ)
20	Điều 20. Hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ bố trí tái định cư	Không quy định	Điều 20. Hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ bố trí tái định cư	
	Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị được bố trí tái định cư tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư được hỗ trợ tiền thuê nhà kể từ khi bàn giao đất đến khi được giao đất tái định cư, cụ thể như sau: 1. Đối với địa bàn các phường, thị trấn: 1.500.000 đồng/khẩu/tháng, nhưng mức tối đa không quá 7.000.000		Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị được bố trí tái định cư tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư được hỗ trợ tiền thuê nhà kể từ khi bàn giao đất đến khi được giao đất tái định cư, cụ thể như sau: 1. Đối với địa bàn các phường:	Các quy định tại Điều 20 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại tại Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)

	đồng/hộ/tháng; riêng với hộ đơn thân 3.000.000 đồng/tháng. 2. Đối với địa bàn các xã: 1.200.000 đồng/khẩu/tháng, nhưng mức tối đa không quá 5.000.000 đồng/hộ; đối với hộ đơn thân 2.000.000 đồng/tháng.		1.500.000 đồng/khẩu/tháng, nhưng mức tối đa không quá 7.000.000 đồng/hộ/tháng; riêng với hộ đơn thân 3.000.000 đồng/tháng. 2. Đối với địa bàn các xã: 1.200.000 đồng/khẩu/tháng, nhưng mức tối đa không quá 5.000.000 đồng/hộ; đối với hộ đơn thân 2.000.000 đồng/tháng.	
21	Không quy định	Điều 17. Hỗ trợ giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình còn thiếu theo quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai	Điều 21. Hỗ trợ giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình còn thiếu theo quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai	
		Hộ gia đình, cá nhân có đất ở, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế đang sử dụng đất ở, đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất, nếu có đủ điều kiện được bồi thường về đất ở theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai thì được bồi thường bằng giao đất ở hoặc nhà ở tại khu tái định cư hoặc tại địa điểm khác phù hợp. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 (một) thửa đất ở bị thu hồi mà diện tích đất ở được bồi thường không đủ để giao riêng cho từng hộ gia đình thì được xem xét giao đất ở có thu tiền sử	Hộ gia đình, cá nhân có đất ở, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế đang sử dụng đất ở, đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất, nếu có đủ điều kiện được bồi thường về đất ở theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai thì được bồi thường bằng giao đất ở hoặc nhà ở tại khu tái định cư hoặc tại địa điểm khác phù hợp. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có	Quy định tại Điều 21 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại Quyết định số 53/2024/QĐ- UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)

		dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho từng hộ gia đình còn thiếu nhưng phải đảm bảo mỗi lô đất không vượt quá hạn mức giao đất ở và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật.	chung quyền sử dụng 01 (một) thửa đất ở bị thu hồi mà diện tích đất ở được bồi thường không đủ để giao riêng cho từng hộ gia đình thì được xem xét giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho từng hộ gia đình còn thiếu nhưng phải đảm bảo mỗi lô đất không vượt quá hạn mức giao đất ở và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật.	
22	Không quy định	Điều 18. Hỗ trợ khác	<u>Điều 22.</u> Hỗ trợ khác	
		1. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân bị phá dỡ một phần mà phần còn lại vẫn tồn tại và sử dụng được thì ngoài tiền bồi thường hoặc tiền hỗ trợ theo thiệt hại thực tế (bao gồm giá trị trực tiếp phần bị phá dỡ và giá trị phần bị ảnh hưởng phải phá dỡ) còn được hỗ trợ 30% giá trị thiệt hại thực tế để sửa chữa hoàn thiện phần còn lại nhưng không vượt quá giá trị của phần nhà, công trình còn lại không bị phá dỡ. 2. Ngoài việc hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 108 của Luật Đất đai để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản thì UBND cấp huyện báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh từng dự án cụ thể (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 108 của Luật Đất đai.	1. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân bị phá dỡ một phần mà phần còn lại vẫn tồn tại và sử dụng được thì ngoài tiền bồi thường hoặc tiền hỗ trợ theo thiệt hại thực tế (bao gồm giá trị trực tiếp phần bị phá dỡ và giá trị phần bị ảnh hưởng phải phá dỡ) còn được hỗ trợ 30% giá trị thiệt hại thực tế để sửa chữa hoàn thiện phần còn lại nhưng không vượt quá giá trị của phần nhà, công trình còn lại không bị phá dỡ. 2. Ngoài việc hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 108 của Luật Đất đai để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản thì UBND cấp xã quyết định biện pháp,	Quy định tại <u>Điều 22</u> của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại Quyết định số 53/2024/QĐ- UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)

			mức hỗ trợ khác đối với từng dự án cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai	
V	Chương V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN	Chương V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Chương V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN	
23	Điều 22. Trách nhiệm của các sở, ngành cấp tỉnh	Mục 6 Điều 19. Trách nhiệm UBND cấp huyện, sở, ngành và người sử dụng đất	Điều 23. Trách nhiệm của các sở, ngành cấp tỉnh	
	1. Sở Tài nguyên và Môi trường a) Chủ trì, phối hợp với các sở ngành và địa phương xem xét việc hỗ trợ đối với các trường hợp quy định tại Điều 15 quy định này tham mưu, báo cáo UBND tỉnh mức hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể. b) Thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo Quy định này. c) Đối với dự án đầu tư do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư phải thu hồi đất mà làm di chuyển cả cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống, kinh tế, xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng và cần có chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. d) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình và kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn. 2. Sở Tài chính a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi	6. Các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan khác chủ động hướng dẫn, giải quyết theo chức năng, nhiệm vụ được giao đối với các vướng mắc do Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất. Trường hợp vượt thẩm quyền hoặc sau khi đã có ý kiến hướng dẫn của sở, ngành mà vẫn còn khó khăn, vướng mắc thì báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.	Các sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Nội vụ, Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan khác chủ động hướng dẫn, giải quyết theo chức năng, nhiệm vụ được giao đối với các vướng mắc do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, đề xuất. Trường hợp vượt thẩm quyền hoặc sau khi đã có ý kiến hướng dẫn của sở, ngành mà vẫn còn khó khăn, vướng mắc thì báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.	Quy định tại Điều 23 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại Quyết định số 53/2024/QĐ- UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)

trường xem xét việc hỗ trợ đối với các trường hợp quy định tại Điều 15 Quy định này, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh mức hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể. b) Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh về lập dự toán, báo cáo quyết toán về kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định. 3. Sở Xây dựng a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hỗ trợ đối với các trường hợp quy định tại Điều 15 Quy định này, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh mức hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể. b) Hướng dẫn xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với nhà cửa, vật kiến trúc, công trình khác gắn liền với đất. 4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hỗ trợ đối với các trường hợp quy định tại Điều 15 Quy định này, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh mức hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể. b) Hướng dẫn xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách về bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi. 5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hỗ trợ đối với các trường hợp quy định tại Điều 15 Quy định này, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh mức hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể.			
--	--	--	--

	6. Cục Thuế tỉnh Chỉ đạo Chi cục thuế cấp huyện kiểm tra, cung cấp thông tin về mức thu nhập sau thuế của hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh làm căn cứ hỗ trợ ổn định sản xuất được quy định tại khoản 2 Điều 14 của Quy định này.			
24	Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã	Mục 1 và Mục 2 Điều 19. Trách nhiệm UBND cấp huyện, sở, ngành và người sử dụng đất	Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã	
	Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện 1. Chỉ đạo, tổ chức, điều hành các cơ quan chuyên môn trực thuộc và đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện nhiệm vụ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền. 2. Tổ chức, tuyên truyền, vận động người có đất, tài sản bị thu hồi thực hiện giải phóng mặt bằng theo đúng quy định. 3. Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền. 4. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và chủ đầu tư thực hiện dự án tái định cư. 5. Lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại địa phương. 6. Phối hợp với chủ đầu tư xây dựng chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư phải thu hồi đất mà làm di chuyển cả cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống, kinh	1. Ủy ban nhân dân cấp huyện: a) Chỉ đạo Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thực hiện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định; b) Chỉ đạo Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xác định tình trạng hộ gia đình, cá nhân có hoặc không có nhà ở, đất ở trên địa bàn cấp huyện; c) Giải quyết các vướng mắc về đất đai, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tài sản gắn liền với đất theo thẩm quyền; d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan. 2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi: a) Xác định chủ sử dụng đất, nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp, sự phù hợp quy hoạch sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất, loại đất, vị trí đất;	1. Chỉ đạo, tổ chức, điều hành các cơ quan chuyên môn trực thuộc và đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện nhiệm vụ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền. 2. Tổ chức, tuyên truyền, vận động người có đất, tài sản bị thu hồi thực hiện giải phóng mặt bằng theo đúng quy định. 3. Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền. 4. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và chủ đầu tư thực hiện dự án tái định cư. 5. Lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại địa phương. 6. Phối hợp với chủ đầu tư xây dựng chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án do Quốc hội, Thủ	Các quy định tại Điều 24 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại tại Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)

	tế, xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng và cần có chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. 7. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình và kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa phương trước ngày 15 tháng 12 hàng năm. Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã 1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền về mục đích thu hồi đất để thực hiện dự án cùng chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Nhà nước. 2. Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm theo quy định. 3. Kiểm tra, xác nhận nguồn gốc, thời điểm, tình trạng sử dụng đất và thời điểm tạo lập tài sản; xác nhận hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp; xác nhận các nội dung khác có liên quan.	b) Xác định tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng; xác định hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; c) Xác định tình trạng hộ gia đình, cá nhân có hoặc không có nhà ở, đất ở trên địa bàn cấp xã; d) Phối hợp với công an cùng cấp để xác định dữ liệu về cư trú và điều kiện tách hộ của hộ gia đình, cá nhân tại nơi thu hồi đất theo quy định về pháp luật cư trú, xác nhận nhân khẩu nông nghiệp; đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật.	tướng Chính phủ quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư phải thu hồi đất mà làm di chuyển cả cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống, kinh tế, xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng và cần có chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. 7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền về mục đích thu hồi đất để thực hiện dự án cùng chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Nhà nước. 8. Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm theo quy định. 9. Kiểm tra, xác nhận nguồn gốc, thời điểm, tình trạng sử dụng đất và thời điểm tạo lập tài sản; xác nhận hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp; xác nhận các nội dung khác có liên quan. 10. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật.	
25	Điều 25. Trách nhiệm của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Mục 3 Điều 19. Trách nhiệm UBND cấp huyện, sở, ngành và người sử dụng đất	Điều 25. Trách nhiệm của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	
	1. Xây dựng kế hoạch triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án	3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:	1. Chủ trì tổng hợp xây dựng kế hoạch triển khai công tác	Quy định tại Điều 25 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã

	trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. 2. Tổ chức lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đảm bảo đúng theo quy định pháp luật hiện hành. 3. Tiếp dân để giải đáp và hướng dẫn giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án. 4. Hàng năm, lập báo cáo về kết quả công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã thực hiện trên địa bàn theo từng quý gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.	a) Chủ trì tổng hợp xây dựng kế hoạch triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu kiểm kê và sự hợp pháp của việc áp dụng các chính sách khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; b) Tổ chức thực hiện đo đạc địa chính thửa đất làm cơ sở thực hiện nội dung liên quan công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật; c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.	bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu kiểm kê và sự hợp pháp của việc áp dụng các chính sách khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; 2. Tổ chức thực hiện trích lục, đo đạc chính lý bản đồ địa chính thửa đất làm cơ sở thực hiện nội dung liên quan công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật; 3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.	quy định tại Quyết định số 53/2024/QĐ- UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)
26	Điều 26. Trách nhiệm của chủ đầu tư	Mục 4 Điều 19. Trách nhiệm UBND cấp huyện, sở, ngành và người sử dụng đất	Điều 26. Trách nhiệm của chủ đầu tư	
	1. Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và bàn giao các hồ sơ tài liệu có liên quan của Dự án. 2. Đảm bảo kinh phí đầy đủ, kịp thời để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. 3. Đối với dự án đầu tư do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư phải thu hồi đất mà làm di chuyển cả cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống, kinh tế, xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng và cần có chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Chủ đầu tư dự	4. Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành và địa phương thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ có liên quan theo Quy định này.	1. Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và bàn giao các hồ sơ tài liệu có liên quan của Dự án. 2. Đảm bảo kinh phí đầy đủ, kịp thời để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. 3. Đối với dự án đầu tư do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư phải thu hồi đất	Các quy định tại Điều 26 của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại tại Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)

	án chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện nơi có dự án đi qua, căn cứ tình hình thực tế, phong tục tập quán của cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng, xây dựng chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện cho dự án, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk) để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.		mà làm di chuyển cả cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống, kinh tế, xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng và cần có chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Chủ đầu tư dự án chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã nơi có dự án đi qua, căn cứ tình hình thực tế, phong tục tập quán của cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng, xây dựng chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện cho dự án, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk) để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.	
27	Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp	Điều 20. Quy định chuyển tiếp	<u>Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp</u>	
	1. Đối với các trường hợp đã có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này. 2. Đối với các trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt; việc xử lý chi trả bồi thường chậm được thực hiện theo quy định của pháp	1. Việc thực hiện quy định chuyển tiếp áp dụng theo quy định tại Điều 254 của Luật Đất đai và Điều 31 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ. 2. Đối với dự án đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành Thông báo thu hồi đất trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, nhưng chưa hoàn tất thủ tục phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được sử dụng số liệu đã kiểm kê, các biểu mẫu đã lập để lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu hoàn toàn trách nhiệm tính chính xác, đúng đắn của số	1. Đối với các trường hợp đã có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này. 2. Đối với các trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quy định này có	Các quy định tại <u>Điều 27</u> của Dự thảo kế thừa các nội dung đã quy định tại tại Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)

	luật tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định thu hồi đất.	liệu đã lập trước Quy định này. 3. Đối với dự án đã lập, thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhiều giai đoạn (đợt) mà chính sách tại Quy định này có sự chênh lệch mức bồi thường, hỗ trợ lớn so với Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND thì Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh từng dự án cụ thể (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, quyết định.	hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt; việc xử lý chi trả bồi thường chậm được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định thu hồi đất.	
--	---	--	--	--